

1. Ủy ban nhân dân thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Ch - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường Dữu L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Trung K – Công chức địa chính - xây dựng; vắng mặt.

3. Bà Dương Thị Th, sinh năm 1962; trú tại: Tổ 7, khu Bảo Đ, phường Dữu L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Dương Văn H1, sinh năm 1986; nơi ĐKKHTT: Tổ 7, khu Bảo Đ, phường Dữu L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

5. Anh Dương Văn T, sinh năm 1990; nơi ĐKKHTT: Tổ 7, khu Bảo Đ, phường Dữu L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, cụ Dương Thị H trình bày: Cụ sống độc thân không có chồng con trên mảnh đất của bố mẹ để lại tại xóm Trại, phường Dữu L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ. Năm 1979, nhà nước thu hồi đất của cụ để xây dựng sân vận động Bảo Đ. Cụ được cấp đất tái định cư tại xứ Đồi Gò Già, đội 7 Bảo Đ, phường Dữu L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ. Cụ làm được ngôi nhà 3 gian nhỏ sống cùng hai cháu ruột là Dương Văn M và Dương Thị Th đều là con của anh trai cụ, anh trai cụ đã chết năm 1969, chị dâu cụ đi lấy chồng. Năm 1982 ông M kết hôn với bà Vũ Thị L1, vợ chồng ông M vẫn sống cùng nhà với cụ. Năm 2002 nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các gia đình trong đó có cụ, cháu dâu cụ là bà Vũ Thị L1 lợi dụng cụ không biết chữ, không hỏi ý kiến của cụ mà tự đi kê khai làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Vũ Thị L1, cụ không biết. Thời gian gần đây vợ chồng ông M, bà L1 có ý định bán bớt đất thì cụ mới biết đất của cụ đứng tên bà Vũ Thị L1. Nay cụ đề nghị Tòa án buộc ông M, bà L1 trả lại đất cho cụ là diện tích 810,47m² tại tổ 7, khu Bảo Đ, phường Dữu L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W664058 do UBND thành phố Việt Tr cấp ngày 31/12/2002 đứng tên hộ bà Vũ Thị L1.

Bị đơn ông Dương Văn M và bà Vũ Thị L1 trình bày: Bản thân ông M khi còn nhỏ cha chết sớm, mẹ ông đi lấy chồng khác, ông được gia đình bên nội chăm sóc, nuôi dưỡng ăn học. Khi lớn lên đi bộ đội xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Năm 1982 hoàn thành nghĩa vụ trở về cùng gia đình lao động xây dựng quê hương, chăm lo cuộc sống. Năm 1978 trước khi ông đi bộ đội, ông và cụ H cùng lao động, làm ăn sinh sống tại xóm Tr, thôn Bảo Đ, xã Dữu L, thành phố Việt Tr, tỉnh Vĩnh Phú (cũ).

Cùng năm 1978 nhà nước có dự án xây dựng Trung tâm thể thao văn hóa thành phố Việt Tr, đến năm 1981 khi ông vắng nhà, chính quyền các cấp xã Dữu L cho gia đình cụ H và ông M sang nơi ở mới này thuộc tổ 7, khu Bảo Đ, phường Dữu L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ. Năm 1982 ông cưới vợ, sau khi cưới xong được sự nhất trí của gia đình, cụ H tách hộ cho ông bà ở riêng đứng tên chủ hộ là bà Vũ Thị L1 và cụ H là hộ riêng. Khi tách hộ xong, cụ Dương Thị H giao bằng lời, không làm biên bản rằng chúng tôi làm nghĩa vụ với nhà nước, giữ gìn và quản lý sử dụng sau này. Đến năm 2002 thửa đất có diện tích 810,47m² tại tổ 7, khu Bảo Đ, phường Dữu L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đó đến nay gia đình ông chấp hành đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông bà không có gợi ý hoặc thôi thúc, lôi kéo ai làm nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như lời trình bày của cụ H ở trên là ông bà tự ý làm bìa đỏ mà không hỏi ý kiến của cụ H là không đúng. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Dương Thị Th trình bày: Bà là em gái của ông Dương Văn M, trú tại tổ 7, khu Bảo Đ, phường Dữu L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ. Do điều kiện hoàn cảnh khó khăn không có chỗ ở nên khi về hưu ông M đứng ra xây cho mẹ con bà một ngôi nhà cấp bốn, hai gian lợp prôximăng với diện tích sử dụng khoảng 70m² trên đất vườn nơi cụ H và vợ chồng ông M cùng các con cháu đang sinh sống. Bà có đóng góp 7.000.000đ (bảy triệu đồng) đưa cho ông M để ông đứng ra xây ngôi nhà trên vào năm 2007. Nay xảy ra tranh chấp mảnh đất nơi bà đang ở, nếu bà không được ở lại ngôi nhà trên đất ấy đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho bà.

Anh Dương Văn H1 trình bày: Anh là con trai của ông Dương Văn M và bà Vũ Thị L1. Năm 2014 bố mẹ anh có sửa sang lại ngôi nhà được xây dựng từ năm 1991 trên diện tích đất đang tranh chấp giữa cụ Dương Thị H và bố mẹ anh. Anh đã hỗ trợ bố mẹ anh 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Anh không đòi lại số tiền đã hỗ trợ bố mẹ dưới mọi hình thức.

Anh Dương Văn T trình bày: Anh là con trai của ông Dương Văn M và bà Vũ Thị L1. Năm 2014 bố mẹ anh có sửa sang lại ngôi nhà gia đình anh đang sinh sống, quá trình tu sửa có hỗ trợ bố mẹ số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Anh không đòi lại số tiền đã hỗ trợ bố mẹ dưới mọi hình thức.

Đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Việt Tr - ông Phạm Văn Ch - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Việt Tr trình bày: Ngày 06/8/1999 bà Vũ Thị L1 và ông Dương Văn M có đơn xin đăng ký cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Tổng diện tích 2.485,47m² (đất ở + đất vườn 810,47m² đất nông nghiệp 1.675m²). Ngày 12/10/1999, được UBND xã Dữu L nhất trí của Hội đồng xét duyệt ký và xác nhận. Ngày 27/8/2002, bà Vũ Thị L1 và ông Dương Văn M có đơn xin xác nhận đất thổ cư với diện tích 810,47m² nguồn gốc đất: Hợp tác xã cắm năm 1978, có xác nhận của Trưởng khu hành chính, Mặt trận tổ quốc xã Dữu L và UBND xã Dữu L. Ngày 31/12/2002 UBND thành phố Việt Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1985/QĐ-UB ngày 31/12/2002 cho hộ bà Vũ Thị L1 tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19, diện tích 810,47m² (đất ở 300m², đất vườn 510,47m²) thuộc tổ 7, thôn Bảo Đ, phường Dữu L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

UBND phường Dữu L, thành phố Việt Tr trình bày: Cụ Dương Thị H là người độc thân, không có chồng, con, hiện đang sinh sống cùng cháu là ông Dương Văn M và bà Vũ Thị L1 nhưng ăn riêng, ở riêng. Cụ H nuôi ông Dương Văn M và bà Dương Thị Th từ nhỏ (ông M, bà Th là con của anh trai cụ H, do anh trai chết, chị dâu đi lấy chồng nên cụ H ở vậy nuôi cháu). Cụ H có đơn đề nghị là đất của cụ H được nhà nước bồi thường tái định cư từ những năm 1977, 1978 sau khi nhà nước có quyết định thu hồi đất ở xóm Trại để làm dự án sân vận động Hùng Vương nay là sân Bảo Đ. Khi chuyển về nơi tái định cư mới ông M và bà Th do cụ H nuôi dưỡng từ nhỏ nên cũng theo về ở cùng với cụ H cho đến hiện nay. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Vũ Thị L1 vợ của ông M là do vợ chồng ông M, bà L1 và cụ H cùng sinh sống trên thửa đất. Năm 2002 nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân và được triển khai thực hiện từ dưới khu dân cư, các hộ dân đến kê khai tại nhà ông Đội trưởng (trong đó có bà Vũ Thị L1 là vợ ông Dương Văn M đi kê khai) sau đó khu dân cư lập danh sách và nộp về UBND phường, UBND phường căn cứ vào danh sách của khu dân cư lập hồ sơ và nộp về UBND thành phố để UBND thành phố thẩm định và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Tại thời điểm bà L1 kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Vũ Thị L1, cụ H không biết và từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ đến khi vợ chồng ông M, bà L1 có ý định chuyển nhượng bớt một phần quyền sử dụng đất cụ H mới biết đất của cụ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Vũ Thị L1 chứ không phải tên cụ H do đó đã phát sinh ra tranh chấp giữa cụ H và ông M, bà L1.

Theo hồ sơ lưu hiện đang lưu giữ tại UBND phường Dữu L thì ngoài sổ mục kê có tên là Vũ Thị L1, không có thêm một văn bản, hay giấy tờ nào thể hiện việc cụ H đồng ý cho bà Vũ Thị L1 được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 08/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ Điều 221 Bộ luật dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai 2013; khoản 4 Điều 34; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a, khoản 2 Điều 27; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Dương Thị H là đòi lại quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19, thuộc tổ 7, thôn Bảo Đ, phường Dữ L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà Vũ Thị L1 tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 810,47m² (đất ở 300m², đất vườn 510,47m²) thuộc tổ 7, thôn Bảo Đ, phường Dữ L, thành phố Việt Tr.

3. Buộc ông Dương Văn M, bà Vũ Thị L1 trả lại cho cụ Dương Thị H 300m² đất (trong đó: đất ở: 100m²; đất vườn: 200m²) tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19, thuộc tổ 7, thôn Bảo Đ, phường Dữ L, thành phố Việt Tr.

Giao cụ Dương Thị H quyền quản lý, sử dụng 300m² đất (trong đó: đất ở: 100m²; đất vườn: 200m²) tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19, thuộc tổ 7, thôn Bảo Đ, phường Dữ L, thành phố Việt Tr, có chỉ giới 22, 4, 21, 5, 6, 77, 8, 10, 11, 20, 21, 22 (có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo). Tài sản trên đất gồm có: 01 gian nhà cụ H + bếp + nhà tắm có diện tích 29,1m².

4. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Dương Thị H cho ông Dương Văn M và bà Vũ Thị L1 410,6m² (trong đó: đất ở: 140m² và đất vườn: 260,6m²) tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19, thuộc tổ 7, thôn Bảo Đ, phường Dữ L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ có chỉ giới 3,17,16,15,14,13,12,20,21,22,3 (có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo). Tài sản trên đất gồm có 01 nhà cấp 4 có diện tích 66,3m², mái tôn, sân, giếng nước.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Dương Thị H cho bà Dương Thị Th 99,1m² (trong đó: đất ở: 40m² và đất vườn: 59,1m²) tại thửa đất số 12, tờ bản đồ 19, thuộc tổ 7, thôn Bảo Đ, phường Dữ L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ có chỉ giới: 3,17,18,19,1,2,3 (có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo). Tài sản trên đất gồm có 01 nhà cấp 4 có diện tích 67,5m².

5. Phần tài sản trên đất các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Các công trình trên phần đất của ai được giao thì người đó quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 19/11/2019, bị đơn là ông Dương Văn M, bà Vũ Thị L1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tiếp theo ông Dương Văn M, bà Vũ Thị L1, anh Dương Văn H1 và anh Dương Văn T kháng cáo bổ sung với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm giao cho cụ H 50m² đất ở và xác định lại hình thể mảnh đất của gia đình ông M và của cụ H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng ông Dương Văn M và bà Vũ Thị L1 đều thừa nhận đất đang tranh chấp đúng là của cụ Dương Thị H, nhưng cụ H chỉ có một mình, trong khi gia đình ông, bà thì đông người, ở chật chội. Vì vậy, đề nghị cho gia đình ông, bà xin thêm 100m² nữa, cụ H chỉ cần ở 200m² thôi.

Người bảo vệ quyền lợi cho cụ Dương Thị H - ông Đoàn Hữu Văn cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án ở tòa án địa phương đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng không thành và trước khi về Hà Nội tham gia xét xử phúc thẩm vụ án này thì cụ H trao đổi với tôi là cụ vẫn giữ nguyên quan điểm như từ trước đến nay và cụ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử, Thư ký, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác đều đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và không có ai khiếu nại gì về thời hiệu, thẩm quyền trình tự thủ tục giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Xét về nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Dương Thị H như chính vợ chồng ông Dương Văn M, bà Vũ Thị L1 đã trình bày và thừa nhận tại phiên tòa. Quá trình giải quyết thì tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét một cách đầy đủ, khách quan, nên đã ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự để chia cho vợ chồng ông M hơn 400m², bà Th gần 100 m² và cụ H 300m² đất là có căn cứ pháp luật và đã là hợp lý hợp tình. Vì vậy, xét không có căn cứ pháp luật để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Dương Văn M, bà Vũ Thị L1 để giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn cụ Dương Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Dương Văn M và bà Vũ Thị L1 trả lại quyền sử dụng đất tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19, diện tích 810,47m² (đất ở 300 m², đất vườn 510,47 m²) thuộc tổ 7, thôn Bảo Đ, phường Dữu L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Thọ; đồng thời, đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Vũ Thị L1 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Việt Tr cấp ngày 31/12/2002. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xác định quan hệ

tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và đúng pháp luật. Quá trình giải quyết đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không vi phạm và không có ai khiếu nại gì về tố tụng

[2] Về nội dung vụ án:

Trước năm 1979, cụ H sống độc thân trên phần đất do bố mẹ của cụ để lại. Đến năm 1979, UBND thành phố Việt Tr thu hồi đất xây dựng sân vận động Bảo Đ, nên cụ H được cấp đất tái định cư tại khu Đồi Gò Già, tại đội 7 nay thuộc tổ 7 khu Bảo Đ, phường Dữu L, thành phố Việt Tr với diện tích 810,47 m². Qua xác minh tại chính quyền địa phương về nguồn gốc thửa đất trên tại UBND phường Dữu L, thành phố Việt Tr thể hiện: Nguồn gốc đất xảy ra tranh chấp là đất của cụ H được nhà nước bồi thường tái định cư từ những năm 1977-1978, sau khi có quyết định thu hồi đất ở xóm Trại để làm dự án sân vận động Hùng Vương, mà nay là sân vận động Bảo Đ. Khi chuyển về nơi ở mới thì cụ H cũng đón các cháu là Dương Văn M, lúc này mới 05 tuổi và Dương Thị Th, lúc này mới 01 tuổi về nuôi dưỡng, nên ông M và bà Th ở cùng với cụ H trên mảnh đất tranh chấp từ đó cho đến nay, vì bố của hai cháu mất sớm, mẹ thì đi lấy chồng khác.

Hồ sơ thể hiện: Năm 2002 ông Nguyễn Đình Phụ (nguyên là trưởng khu phố) đã thông báo cho các hộ gia đình kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó hộ gia đình bà Vũ Thị L1 đứng ra kê khai và đã được UBND thành phố Việt Tr cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W664058 ngày 31/12/2002 đứng tên hộ bà Vũ Thị L1. Việc ông M và bà L1 cho rằng cụ H đã đồng ý cho vợ chồng ông bà được quyền quản lý sử dụng đất, khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận thì cụ H đã đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thu thập chứng cứ về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lấy lời khai của nhân chứng thì thấy: Trong quá trình xin cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất thì chỉ có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất do bà L1 viết. Vì lúc này cụ H ở cùng nhà với bà L1, ông M, nên UBND phường chuyển hồ sơ đề nghị lên UBND thành phố Việt Tr để cấp Giấy chứng nhận, còn việc giữa cụ H và vợ chồng ông M thỏa thuận như thế nào thì địa phương không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án thì bà L1, ông M cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về việc cụ H đã cho thửa đất nêu trên, ban đầu vợ chồng ông M còn khuyên cụ H rút đơn khởi kiện, vì không muốn trả lại đất cho cụ H mà cho rằng đó là đất của mình; còn bản thân cụ H thì trước sau đều không thừa nhận việc cụ đã tặng cho, hay chuyển nhượng hoặc đồng ý cho vợ chồng ông M – bà L1 đứng tên về quyền sử dụng đất, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ H đòi lại quyền sử dụng diện tích 810,47 m² đất của cụ H

là có căn cứ, đúng pháp luật. Nhưng theo lời trình bày của vợ chồng ông M – bà L1 tại Biên bản hòa giải ngày 27-9-2018 do Tòa án nhân dân thành phố Việt Tr tiến hành thì vợ chồng ông L1 cũng đã thừa nhận “Chúng tôi biết là chúng tôi đã sai và xin cụ H đồng ý để cho chúng tôi được tiếp tục sử dụng 1 phần diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc cụ H cho chúng tôi được bao nhiêu, thì chúng tôi sẽ tách phần đất và làm lại giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất bấy nhiêu”.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: như đã phân tích ở trên thì đất có nguồn gốc là của cụ H và không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện về việc đã có sự chuyển quyền sử dụng đất sang cho ông M-bà L1, hay cho bất kỳ người nào khác. Do vậy, việc cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Vũ Thị L1 là cấp không đúng đối tượng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Việt Tr đã cấp đứng tên hộ bà Vũ Thị L1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp có diện tích 810,47 m² là của cụ H. Khi nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L1 đứng ra làm thủ tục và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên “Hộ bà Vũ Thị L1”. Nhưng xét, do vợ chồng ông M-bà L1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh là đã được cụ H cho toàn bộ diện tích đất nêu trên, nên cần phải xác định thửa đất nêu trên vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ H. Xét trên thực tế thì ông M, bà Th được cụ H nuôi dưỡng từ nhỏ, khi lớn lên ông M đi bộ đội, sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự lại về ở cùng cụ H trên thửa đất. Sau khi ông M kết hôn với bà L1 thì đã tách hộ riêng, nhưng trên thực tế thì vẫn sinh sống cùng với cụ H trên thửa đất của cụ H, nên cũng cần phải xác định vợ chồng ông M, bà L1 cũng có công sức tôn tạo, cải tạo và duy trì diện tích đất đã từ L cho đến nay.

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nơi ở và sự tự nguyện của cụ Dương Thị H đã cho vợ chồng ông M và bà Th (em gái ông M có diện tích đất thỏa đáng để làm nhà ở rồi, nay cụ H đề nghị ông M-bà L1 phải trả lại cho cụ 300 m² đất trong tổng diện tích đất 810,47m² (theo Biên bản xem xét thẩm định ngày 25/10/2018 và ngày 26/9/2019). Xét việc cụ H đã cho vợ chồng ông M 410,6 m²; bà Th 99,1 m² là sự tự nguyện của cụ, phù hợp với quy định của pháp luật và không bị ép buộc. Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện nói trên của cụ H là có căn cứ, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Việc cụ H đã thay đổi yêu cầu khởi kiện là cụ chỉ lấy lại 300 m² đất trong tổng số 810,47 m² của cụ, cũng như cụ chỉ lấy 100 m² đất ở trong tổng số 300 m² đất ở là đã rất độ lượng, ưu ái cho vợ chồng ông M cũng như đối với bà Th. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: theo sơ đồ thửa đất mà Tòa án cấp sơ thẩm phân chia cho cụ thì

đã được xem xét tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 20/9/2019 được tất cả mọi người cũng ký vào biên bản, trong đó có vợ chồng ông M-bà L1 và không ai có ý kiến gì khác (BL 213, 214, 215). Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của vợ chồng ông M và các con của ông M về việc đề nghị sửa bản án sơ thẩm để chỉ giao cho cụ H 50 m² đất ở và xác định lại hình thể mảnh đất của cụ H và của vợ chồng ông M là không có căn cứ pháp luật và không thấu tình đạt lý, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần thiết phải giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị thì đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các đương sự kháng cáo nhưng không được chấp nhận về nội dung, nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn là vợ chồng ông Dương Văn M-Vũ Thị L1 và những người liên quan trong vụ án là anh Dương Văn H1, anh Dương Văn T, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DSST ngày 08-11-2019 của TAND tỉnh Phú Thọ đã xét xử, giữa:

Nguyên đơn: Cụ Dương Thị H

Bị đơn: ông Dương Văn M – bà Vũ Thị L1.

Về án phí:

- Ông Dương Văn M-bà Vũ Thị L1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm (được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 00040067 ngày 21/01/2020 ở Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

- Anh Dương Văn H1 và anh Dương Văn T mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm (được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0003284 và 0003285 ngày 03/12/2019 ở Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *TAND tỉnh Phú Thọ;*
- *VKSND tỉnh Phú Thọ;*
- *Cục THADS tỉnh Phú Thọ;*
- *Các đương sự (theo đ/c);*
- *Lưu HS, HCTP.*

Nguyễn Xuân Hùng